

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quý hoạch sử dụng đất đai UD - 01

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

Mã nhận dạng 03387

Trang 1/2

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08166073	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	CD09CQ	1	<i>Thml</i>	7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09124001	TRẦN THỊ KIM AN	DH09QL	2	<i>An</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09124008	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆM	DH09QL	13	<i>Ngocdiem</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09124012	HUYỀN HIỆP	DH09QL	14	<i>Hh</i>	7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09124043	NGÔ THANH LAI	DH09QL	13	<i>Thl</i>	7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09124050	NGUYỄN TRUNG LỘC	DH09QL	12	<i>Thl</i>	8,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09124082	LÊ THỊ NGỌC THANH	DH09QL	13	<i>Thng</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09124102	NGUYỄN HÙNG TÍNH	DH09QL	14	<i>Th</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09124105	TRẦN TUYẾT TRINH	DH09QL	1	<i>Th</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09124116	TRẦN LÊ MINH VÂN	DH09QL	12	<i>Thlv</i>	7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09124124	VÕ TUẤN VŨ	DH09QL	13	<i>Vv</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09124126	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	DH09QL	14	<i>Thk</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09333012	DƯƠNG THỊ HỒNG ÁNH	CD09CQ	1	<i>Tha</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09333014	VÕ MINH CẢNH	CD09CQ	2	<i>Cv</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09333017	NGUYỄN NGỌC DANH	CD09CQ	3	<i>Thn</i>	7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09333019	ĐÀO LÊ KỲ DUYÊN	CD09CQ	4	<i>DL</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09333021	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	CD09CQ	1	<i>Thm</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09333022	NGUYỄN VĂN DŨNG	CD09CQ	2	<i>Thv</i>	7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng 12 năm 2011

Trần Thị Nguyễn

Trần Thị Kim An

Trần Thị Ngọc Diệp
Nguyễn Trung Quyết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quý hoạch sử dụng đất đai UD - 01

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

Mã nhận dạng 03387

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09333024	TRẦN QUANG DŨNG	CD09CQ	3	<i>Đm</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	09333026	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	CD09CQ	4	<i>F</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09333031	NGUYỄN ĐƯỢC	CD09CQ	1	<i>Đm</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	09333037	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	CD09CQ	2	<i>Đm</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	09333046	NGUYỄN THỊ THỊ HÒA	CD09CQ	3	<i>Đm</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09333050	HOÀNG THỊ HỒNG	CD09CQ	4	<i>Đm</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09333051	TRẦN XUÂN HỒNG	CD09CQ	1	<i>Đm</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	09333052	TRƯƠNG MỸ HỒNG	CD09CQ	2	<i>Đm</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	09333053	TRƯƠNG THỊ ÁNH HỒNG	CD09CQ	3	<i>Đm</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	09333058	THÁI VĂN HÙNG	CD09CQ	4	<i>Đm</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	09333059	DƯƠNG THỊ XUÂN HƯƠNG	CD09CQ	1	<i>Đm</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	09333061	PHẠM THỊ HƯƠNG	CD09CQ	2	<i>Đm</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	09333063	VÕ THỊ KIM HƯƠNG	CD09CQ	3	<i>Đm</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	09333065	ĐẶNG THỊ THÙY KIỀU	CD09CQ	4	<i>Đm</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	09333066	ĐẶNG TRẦN ANH KIẾT	CD09CQ	1	<i>Đm</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	09333068	TRẦN NGUYỄN THANH LAN	CD09CQ	2	<i>Đm</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	09333069	ĐỖ THỊ LIÊN	CD09CQ	3	<i>Đm</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	09333071	TRẦN THỊ MỸ TIÊN	CD09CQ	4	<i>Đm</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng 12 năm 2014

Đ. Hoài Nguyễn

Đm

Đm

Nguyễn Trung Quyết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quý hoạch sử dụng đất đai UD - 01

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09333079	HOÀNG MINH LUÂN	CD09CQ	1	<i>Minh Luân</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	09333080	LÊ THỊ LY	CD09CQ	2	<i>Ly</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	09333081	NGUYỄN THỊ TRÚC	CD09CQ	3	<i>Trúc</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	09333084	LÊ THỊ NGỌC	CD09CQ	4	<i>Minh Ngọc</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	09333087	NGUYỄN THỊ KIỀU	CD09CQ	1	<i>Kiều</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	09333088	LẠI LÊ HOÀI	CD09CQ	2	<i>Hoài</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	09333090	LƯU NGUYỄN THÙY	CD09CQ	3	<i>Thùy</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	09333092	ĐẶNG THỊ BÍCH	CD09CQ	4	<i>Bích</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	09333093	HỒ THỊ ÁNH	CD09CQ	1	<i>Ánh</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	09333094	LÊ THỊ THANH	CD09CQ	2	<i>Thanh</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	09333099	HỒ THỊ	CD09CQ	3	<i>Thị</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	09333102	LÊ THỊ MINH	CD09CQ	4	<i>Minh</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	09333103	ĐẶNG NGỌC BẢO	CD09CQ	1	<i>Bảo</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	09333104	NGUYỄN THỊ	CD09CQ	2	<i>Thị</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	09333107	NGUYỄN NGỌC	CD09CQ	3	<i>Ngọc</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	09333108	HUYỀN THÁI	CD09CQ	4	<i>Thái</i>	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	09333110	PHẠM THỊ THANH	CD09CQ	1	<i>Thanh</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	09333118	HOÀNG HỒNG	CD09CQ	2	<i>Hồng</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng 12 năm 2011

Nguyễn Trung Quyết

Nguyễn Trung Quyết

Nguyễn Trung Quyết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quy hoạch sử dụng đất đai UD - 01

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

Mã nhận dạng

03387

Trang 4/2

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09333121	ĐÀO THỊ QUỲNH	CD09CQ	3	<i>Đ</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	09333124	PHẠM THANH SƠN	CD09CQ	4	<i>PH</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	09333127	LÊ THÀNH TÀI	CD09CQ	1	<i>TA</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	09333132	LÊ THỊ THANH	CD09CQ	2	<i>MT</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	09333133	NGUYỄN DƯƠNG THANH	CD09CQ	3	<i>NT</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	09333137	LƯU HOÀNG THẠCH THẢO	CD09CQ	4	<i>L</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	09333138	NGUYỄN THỊ THẢO	CD09CQ	1	<i>TH</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	09333141	VÕ THỊ HIẾU THẢO	CD09CQ	2	<i>VH</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	09333145	NGUYỄN HỮU THIÊN	CD09CQ	3	<i>NH</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	09333152	NGUYỄN THỊ THU THUY	CD09CQ	4	<i>NT</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	09333155	HUYỀN TRUNG TÍN	CD09CQ	1	<i>HT</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	09333157	ĐỖ VĂN TOAI	CD09CQ	2	<i>ĐV</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	09333159	TRẦN TUYẾT MINH TRANG	CD09CQ	3	<i>TM</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	09333160	ĐẶNG THỊ HUYỀN TRẦN	CD09CQ	4	<i>DT</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	09333163	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CD09CQ	1	<i>NT</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	09333164	VŨ VĂN TRUNG	CD09CQ	2	<i>VV</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	09333167	NGUYỄN MẠNH TUẤN	CD09CQ	3		7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	09333169	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	CD09CQ	4	<i>NT</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Trung Quyết

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Sơn
Trần Văn Quyết

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Trung Quyết

Ngày

tháng

12 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quy hoạch sử dụng đất đai UD - 01

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

Mã nhận dạng 03387

Trang 4/2

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09333121	ĐÀO THỊ QUỲNH	CD09CQ	3	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	09333124	PHẠM THANH SON	CD09CQ	4	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	09333127	LÊ THÀNH TÀI	CD09CQ	1	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	09333132	LÊ THỊ THANH	CD09CQ	2	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	09333133	NGUYỄN DƯƠNG THANH	CD09CQ	3	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	09333137	LƯU HOÀNG THẠCH THẢO	CD09CQ	4	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	09333138	NGUYỄN THỊ THẢO	CD09CQ	1	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	09333141	VÕ THỊ HIẾU THẢO	CD09CQ	2	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	09333145	NGUYỄN HỮU THIÊN	CD09CQ	3	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	09333152	NGUYỄN THỊ THU THÙY	CD09CQ	4	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	09333155	HUYỀN TRUNG TÍN	CD09CQ	1	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	09333157	ĐỖ VĂN TOAI	CD09CQ	2	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	09333159	TRẦN TUYẾT MINH TRANG	CD09CQ	3	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	09333160	ĐẶNG THỊ HUYỀN TRẦN	CD09CQ	4	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	09333163	NGUYỄN THÀNH TRUNG	CD09CQ	1	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	09333164	VŨ VĂN TRUNG	CD09CQ	2	<i>[Signature]</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	09333167	NGUYỄN MẠNH TUẤN	CD09CQ	3	<i>[Signature]</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	09333169	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	CD09CQ	4	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
Nguyễn Trung Quyết

Duyệt của Trưởng Bộ môn

[Signature]
Trần Văn Quyết

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
Nguyễn Trung Quyết

Ngày tháng 12 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quy hoạch sử dụng đất đai UD - 01

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

Mã nhận dạng 03387

Trang 5/2

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	09333175	KIỀU LÊ	CD09CQ	1	Viên	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	09333177	NGUYỄN HỮU	CD09CQ	2	Vinh	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	09333179	HOÀNG XUÂN	CD09CQ	3	HLB	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	09333181	LÊ HOÀI	CD09CQ	4	VY	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	09333182	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	CD09CQ	1	Vy	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	09333184	HOÀNG THỊ	CD09CQ	2	anh	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	09333189	ĐOÀN THỊ BÍCH	CD09CQ	3	Michelle	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	10124165	NGUYỄN VĂN	DH10QL	4			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	10333010	NGUY HUY	CD10CQ	1			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng / năm 2014

Trần Châu Nguyễn

Trần Văn Quyết

Nguyễn Trung Quyết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Mã nhận dạng 03388

Trang 1/2

Môn Học : Quy hoạch sử dụng đất đai UD - 02

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	07124026	NGUYỄN VIỆT HÀ	DH08QL	1	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	07124064	PHẠM THIÊN LONG	DH08QL	2			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	07124114	TRẦN ĐÌNH THỦ	DH08QL	3	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	07124115	LÊ ĐĂNG THUẬN	DH08QL	4			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	08124006	LÊ MINH CẢNH	DH08QL	51	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	08124010	TRẦN THỊ DUNG	DH08QL	82	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	08124012	NGUYỄN THỊ KIỀU DUYÊN	DH08QL	83	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	08124013	TRẦN VĂN DŨNG	DH08QL	84	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	08124016	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐÀO	DH08QL	195	<i>[Signature]</i>	7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	08124017	LÊ THỊ ĐƯƠNG	DH08QL	840	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	08124018	NGUYỄN THỊ HẢI HÀ	DH08QL	31	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	08124020	DƯƠNG THỊ NGỌC HẠNH	DH08QL	4	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	08124021	LÊ THỊ NGỌC HẠNH	DH08QL	1	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	08124024	LÊ THỊ HẰNG	DH08QL	2	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	08124025	NGUYỄN THỊ KIM HẰNG	DH08QL	3	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	08124026	NGUYỄN THU HẰNG	DH08QL	4	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	08124027	ĐỖ THỊ NGỌC HÂN	DH08QL	1	<i>[Signature]</i>	9,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	08124029	TẶNG THANH HẬU	DH08QL	2	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng 12 năm 2011

[Signature]
Cán bộ coi thi 1&2

[Signature]
Duyệt của Trưởng Bộ môn

[Signature]
Cán bộ chấm thi 1&2

[Signature]
Ngày tháng năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quy hoạch sử dụng đất đai UD - 02

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08124030	NGUYỄN THỊ HIỀN	DH08QL	3	<i>Hiền</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	08124033	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	DH08QL	4	<i>Thu</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	08124035	NGUYỄN HẢI HUY	DH08QL	1	<i>Huy</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	08124036	PHẠM THỊ HƯƠNG	DH08QL	2	<i>Hương</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	08124038	NGUYỄN BÁ KHÁNH	DH08QL	3	<i>Khánh</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	08124040	PHAN THỊ BÍCH LIÊN	DH08QL	4	<i>Liên</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	08124041	NGUYỄN THỊ HỒNG LĨNH	DH08QL	1	<i>Linh</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	08124042	NGUYỄN THỊ CHÂU LONG	DH08QL	2	<i>Long</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	08124043	NGUYỄN TẤN LỘC	DH08QL	3	<i>Loc</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	08124045	NGUYỄN ĐĂNG LUẬN	DH08QL	4	<i>Luân</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	08124048	PHẠM THỊ MÂY	DH08QL	1	<i>Mây</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	08124049	LÊ HOÀI NAM	DH08QL	2	<i>Nam</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	08124050	NGUYỄN HOÀNG NAM	DH08QL	3	<i>Nam</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	08124051	PHAN XUYẾN NGỌC	DH08QL	4	<i>Xuyến</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	08124054	LÊ THỊ YẾN NHI	DH08QL	1	<i>Nhi</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	08124056	VÕ XUÂN PHÚ	DH08QL	2	<i>Phú</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	08124061	VŨ QUANG QUÍ	DH08QL	3	<i>Quý</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	08124062	NGÔ VĂN QUYẾT	DH08QL	4	<i>Quyết</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng 12

năm 2011

AS Cao Văn Phú

Trần Duy Hưng

Lưu Nguyễn Quyết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quy hoạch sử dụng đất đai UD - 02

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	08124064	PHAN THỊ THU	SƯƠNG	1	<i>Thu</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	08124065	TRẦN THỊ THU	SƯƠNG	2	<i>Thu</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	08124066	NGUYỄN MINH	TÂM	3	<i>Minh</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	08124067	TRẦN MINH	TÂM	4	<i>Minh</i>	8,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	08124071	NGUYỄN DUY	THANH	1	<i>Duy</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	08124075	ĐINH TRẦN ĐỨC	THIỆN	2	<i>Đức</i>	8,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	08124076	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	THU	3	<i>Phuong</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	08124077	MÔNG VĂN	THÙ	4	<i>Van</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	08124078	NGUYỄN THỊ BÍCH	THUY	1	<i>Bich</i>	8,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	08124079	TRẦN THỊ	THUY	2	<i>Thuan</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	08124083	NGUYỄN HÀ	TRANG	3	<i>Ha</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	08124085	PHẠM THỊ NGỌC	TRANG	4	<i>Ngoc</i>	8,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	08124087	BÙI VIỆT	TRÌNH	1	<i>Truy</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	08124091	PHẠM VĂN	TUÂN	2	<i>Van</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	08124092	VÕ QUỐC	TUẤN	3	<i>Quoc</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	08124094	UÔNG THỊ	TƯ	4	<i>Thi</i>	8,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	08124095	TRỊNH XUÂN	TỬ	1	<i>Xuan</i>	7,0	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	08124096	NGUYỄN HOÀNG	TỶ	2	<i>Hoang</i>	7,5	V 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....; Cán bộ coi thi 1&2: *Nguyễn Văn Dũng* Ngày: tháng năm 2011

Duyệt của Trưởng Bộ môn: *Nguyễn Trung Quyết* Cán bộ chấm thi 1&2: *Nguyễn Trung Quyết*

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quy hoạch sử dụng đất đai UD - 02

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	08124099	NGUYỄN THỊ VÂN	DH08QL	3	<i>VAN</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	08124102	HUỶNH VĂN VŨ	DH08QL	4	<i>Vũ</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	08124104	TRẦN VĂN VƯƠNG	DH08QL	1	<i>Vương</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	08124106	ĐINH LÊ TRỌNG LÂN	DH08QL	2	<i>Lân</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	08124108	YA NIỆM	DH08QL	3	<i>NIỆM</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	08124109	THÔNG THỊ THU SƯƠNG	DH08QL	4	<i>SƯƠNG</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	08146110	NGUYỄN THỊ HIỆP	DH08QL	1	<i>HIỆP</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	08146115	THÔNG THỊ MỸ LỆ	DH08QL	2	<i>MỸ LỆ</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	08146119	THỊ THU NGÀ	DH08QL	3	<i>THỊ THU NGÀ</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	08146129	LÊ THỊ VINH	DH08QL	4	<i>VINH</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	08146130	TRỊNH MINH VŨ	DH08QL	1	<i>VŨ</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	09124095	NGÔ THANH THỦY	DH09QL	2	<i>THỦY</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	09124108	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	DH09QL	3	<i>TUẤN</i>		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	09333029	NGUYỄN TẤN ĐẠT	CD09CQ	4	<i>TẤN ĐẠT</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	09333045	LÊ THỊ NGÂN HOA	CD09CQ	1	<i>HOA</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	09333085	TRẦN HỮU MINH	CD09CQ	2	<i>MINH</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	09333101	TRẦN THỊ KHÁNH NHUNG	CD09CQ	3	<i>NHUNG</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	09333129	LÊ THIÊM TÂN	CD09CQ	4	<i>TÂN</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ giám thi 1&2

Ngày

tháng 12 năm 2011

Cao Văn Duy

Nguyễn Trung Quyết

Nguyễn Trung Quyết

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học: Quy hoạch sử dụng đất đai UD - 02

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	09333131	LÊ HỒNG THANH	CD09CQ	1	<i>Thanh</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	09333171	LƯƠNG THỊ THANH TUYÊN	CD09CQ	2	<i>Tuyen</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

AP Cao Đình Dũng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Thanh

Cán bộ chấm thi 1&2

Nguyễn Trung Quyết

Ngày

tháng 12 năm 2011

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học: Quý hoạch sử dụng đất đai UD - 03

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08124014	VŨ VĂN DŨNG	DH08QL	1	<i>Koey</i>	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08124046	VŨ PHƯƠNG LY	DH08QL	2	<i>Ly</i>	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08146108	NGUYỄN THỊ DUYÊN	DH08QL	3	<i>Thuyen</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09124052	HỒ MINH LUÂN	DH09QL	4	<i>Luân</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09124059	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	DH09QL	5	<i>Nghia</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	09135029	LÊ NGỌC LINH	DH09TB	6	<i>Lin</i>	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	09135048	BÙI LƯU SON	DH09TB	7	<i>Son</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09135056	NGUYỄN THỊ KIM THOA	DH09TB	8	<i>Thoa</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09135067	LÊ ANH VŨ	DH09TB	9	<i>Le</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09135071	ĐỖ VĂN ANH	DH09TB	10			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09135073	PHAN THỊ PHƯƠNG ÁNH	DH09TB	11	<i>Anh</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	09135083	HUYỀN CÔNG DANH	DH09TB	12	<i>Huyen</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09135090	TRẦN SON ĐÔNG	DH09TB	13			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09135096	HỒ HÀ HẢI	DH09TB	14			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	09135097	TỔNG ĐĂNG HẢI	DH09TB	15	<i>Hai</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	09135104	LÊ THỊ NHẬT HỒNG	DH09TB	16	<i>Hong</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09135154	TRẦN HOÀI THƯƠNG	DH09TB	17	<i>Hai</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09135157	HUYỀN THANH TOÀN	DH09TB	18	<i>Huyen</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng

năm 2014

Le Thuy Nguyen

Son

Hai

Nguyen Trung Quyết



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Quy hoạch sử dụng đất đai UD - 03

CBGD: Nguyễn Trung Quyết (999)

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09157244	TRẦN THỊ KIM CHUNG	DH09QL	1	<i>[Signature]</i>	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	09333049	TRẦN VĂN HOÀI	CD09CQ	4	<i>[Signature]</i>	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09333082	LÊ CÔNG LÝ	CD09CQ	1	<i>[Signature]</i>	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10333123	NGUYỄN CHÍ HIẾU	CD10CQ	1	<i>[Signature]</i>	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài:.....; Số tờ:..... Ngày tháng năm 2014

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ coi thi 1&2

Cán bộ chấm thi 1&2

[Signatures of examiners and faculty members]